

Bản án số: 153/2022/HS-ST

Ngày 27 - 10 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Bà Đặng Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo:

Phạm Thị Ngọc T; sinh năm 1990, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: 258/66 DBT, Phường H, Quận T, Thành phố HCM; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Dân (chết) và bà Phạm Thị Bạc; có chồng Trần Thanh Hùng và 05 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/4/2014, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (theo Bản án số 79/2014/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2016, nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 17/11/2014.

Bị bắt quả tang ngày 29/11/2018, đến ngày 30/11/2018 được trả tự do. Sau đó, bị cáo bỏ trốn và bị bắt truy nã từ ngày 13/7/2022 đến nay. (có mặt)

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Ánh T1, sinh ngày: 25/7/2001; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: 451/58BE PTH, Phường BA, Quận T, Thành phố HCM; chỗ ở: 184/38/49/19 ADL, Phường BA, Quận T, Thành phố HCM). (vắng mặt)

2. Anh Lê Hoàng P1, sinh ngày: 02/9/2001; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú:

29/8/22 BD, Phường ML, Quận T, Thành phố HCM; chỗ ở: A6/3X Ấp 1A, xã VLB, huyện BC, Thành phố HCM). (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm: 1995; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã LĐ, huyện CT, tỉnh TG, chỗ ở: Nhà trọ số 38 HDT, Phường BY, Quận T, Thành phố HCM). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Ngọc T và một người thanh niên thường gọi là “I” (không rõ lai lịch) có mối quan hệ quen biết. Khoảng 14 giờ ngày 29/11/2018, T đi bộ trên đường DBT, Phường H, Quận T, Thành phố HCM, thì gặp “I” đang điều khiển xe mô tô hiệu Dream, biển số 63B9-779.29. Lúc này, “I” rủ T cùng đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì T đồng ý. Thực hiện ý định, “I” chờ T đi đến trước nhà số: 184/38/49/19 Ấu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, “I” thấy nhà mở cửa nên dừng xe lại, kêu T đứng ngoài canh giới để “I” đi vào nhà tìm kiếm tài sản lấy trộm. “I” lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus dung lượng 16Gb của chị Nguyễn Ánh T1 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus dung lượng 64Gb của anh Lê Hoàng P1. Lúc này, chị T1 thức giấc và nhìn thấy “I” nên truy hô. Bị phát hiện, “I” cầm 02 điện thoại bỏ chạy lên xe do T điều khiển chạy được khoảng 20m thì bị quần chúng nhân dân hỗ trợ bắt giữ T cùng xe mô tô biển số 63B9-779.29, giải giao về trụ sở Công an Phường 3, Quận 8 để Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Riêng “I” cầm 02 điện thoại bỏ chạy thoát. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 điều tra làm rõ.

Ngày 14/02/2019, Hội đồng định giá theo tổ tụng hình sự kết luận giá trị của 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus dung lượng 64Gb, màu Gold có giá là 5.490.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu Gold dung lượng 16Gb có giá là 5.090.000 đồng.

Ngày 12/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Phạm Thị Ngọc T để tiếp tục điều tra, làm rõ. Tuy nhiên, Phạm Thị Ngọc T bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã ra quyết định truy nã.

Ngày 01/4/2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Quận 8 phát hiện T nên đã lập biên bản bắt người đang bị truy nã đối với T. Do T có nơi cư trú rõ ràng, đang bị bệnh hiểm nghèo, thành khẩn khai báo, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên ngày 02/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Phạm Thị Ngọc T.

Quá trình điều tra, T tiếp tục bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 01/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã ra Quyết định truy nã đối với T. Ngày 13/7/2022, Công an Phường 3, Quận 8 phát hiện T nên tiến hành lập biên bản bắt người đang bị truy nã, bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Phạm Thị Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi trên. Lời khai của T phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án: 01 (một) xe gắn máy hiệu Dream, biển số 63B9-779.29. Qua điều tra xác minh xe do chị Nguyễn Thị Kim C1 đứng tên đăng ký. Chị C1 khai đã bán xe trên cho một người đàn ông tên Hải (không rõ lai lịch) nhưng không làm thủ tục sang tên theo quy định. Chị C1 xác nhận đã bán xe nên không có yêu cầu hay ý kiến gì về việc xử lý đối với chiếc xe này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã làm thủ tục đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Nguyễn Ánh T1 và Lê Hoàng P1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 129/CT-VKS ngày 05/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Phạm Thị Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Thị Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, các bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết. Về xử lý vật chứng, tiếp tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu hợp pháp của 01 (một) xe gắn máy hiệu Dream, biển số 63B9-779.29 trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào khoảng 14 giờ 20 phút, ngày 29/11/2018, tại nhà số: 184/38/49/19 ADL, Phường BA, Quận T, Thành phố HCM, bị cáo Phạm Thị Ngọc T cùng đối tượng tên “I” (không rõ lai lịch) có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus dung lượng 16Gb màu Gold của chị Nguyễn Ánh T1 trị giá 5.090.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus dung lượng 64Gb màu Gold của anh Lê Hoàng P1

trị giá 5.490.000 đồng, thì bị phát hiện bắt quả tang. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T cùng “I” chiếm đoạt của các bị hại là 10.580.000 đồng.

[3] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Mặc dù bị cáo T không trực tiếp chiếm đoạt tài sản của các bị hại nhưng bị cáo và “I” có sự thống nhất ý chí về việc cùng tìm kiếm tài sản để chiếm đoạt. “I” là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản, bị cáo T là người cảnh giới, giúp sức tích cực. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với hậu quả do hành vi của đồng phạm gây ra.

[5] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Phạm Thị Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[7] Xét về nhân thân bị cáo: Quá trình điều tra, bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã, gây khó khăn cho việc điều tra vụ án. Xét năm 2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, mặc dù không xem là án tích nhưng khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét quyết định hình phạt phù hợp với nhân thân của bị cáo.

[8] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo hiện đang có 05 con còn nhỏ, mặc dù theo xác minh tại địa phương thì bị cáo không trực tiếp nuôi 05 con mà bị cáo nghiện ma túy và đi lang thang, gửi 05 con cho mẹ ruột của bị cáo trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay mẹ bị cáo cũng đã già yếu. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo, để bị cáo chấp hành xong hình phạt, sửa đổi bản thân về phụ lo cho mẹ và chăm lo các con.

[9] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự, do các bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng vụ án: 01 (một) xe gắn máy hiệu Dream, biển số 63B9-779.29, Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có kết quả. Do đó, cần tiếp tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp xe trên trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[12] Đối với đối tượng tên “T” là đồng phạm với bị cáo, do chưa xác định được lai lịch, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/7/2022. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày bắt quả tang ngày 29/11/2018 đến ngày 30/11/2018.

- Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 ; các điều 221, 228 Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục tạm giữ và đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng thời hạn 01 năm tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của 01 (một) xe gắn máy Dream, biển số: 63B9 - 779.29, số khung: RLHHA08045Y727607, số máy: HA08E0727747, nếu hết thời hạn trên không tìm được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/9/2022)

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Thị Ngọc T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc